SHB
Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp

BIỂU LÃI SUẤT HUY ĐỘNG VỐN BẰNG VND DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Biểu lãi suất áp dụng trên toàn hệ thống (%/ năm)

1. Biểu lãi suất Tiết kiệm Đại lợi *(áp dụng từ ngày 28/04/2022)*

Kỳ hạn	13 tháng	18 tháng
Lãi suất	6.50	6.60

2. Biểu lãi suất tiết kiệm bậc thang theo số tiền và tiền gửi có kỳ hạn *(áp dụng từ ngày 28/04/2022)*

Kỳ hạn / Kỳ trả lãi	Hạn mức	< 1T	1T	2T	3T	4T	5T	6T	7T	8T	9T	10T	11T	12T	13T	18T	24T	>=36T
Cuối kỳ	< 2 tỷ	0.20	3.60	3.80	3.80	3.90	3.90	5.40	5.40	5.40	5.60	5.50	5.50	6.10	6.20	6.30	6.30	6.50
	>= 2 tỷ - 500 tỷ	0.20	3.70	3.90	3.90	4.00	4.00	5.50	5.50	5.50	5.70	5.60	5.60	6.20	6.30	6.40	6.40	6.60
Trả lãi trước			3.59	3.78	3.76	3.85	3.84	5.26	5.24	5.21	5.37	5.26	5.24	5.75	5.81	5.76	5.60	5.44
Hàng tháng				3.79	3.79	3.88	3.87	5.34	5.33	5.32	5.50	5.39	5.38	5.94	6.02	6.03	5.95	5.95
Hàng quý								5.36			5.52			5.97		6.07	5.98	5.98

3. Biểu lãi suất Tiền gửi tiết kiệm online, Tiết kiệm online linh hoạt, Tiết kiệm tự động *(áp dụng từ ngày 28/04/2022)*

Kỳ hạn	1T	2T	3T	4T	5T	6T	7T	8T	9T	10T	11T	12T	13T	18T	24T	>=36T
Lãi suất	3.80	3.90	4.00	4.00	4.00	5.70	5.70	5.70	5.85	5.85	5.85	6.40	6.50	6.60	6.60	6.70

4. Biểu lãi suất Tiết kiệm thông minh *(áp dụng từ ngày 28/04/2022)*

Kỳ hạn	12 tháng	13 tháng	18 tháng	24 tháng	>= 36 tháng
Trả lãi cuối kỳ	6.10	6.20	6.50	6.50	6.95
Trả lãi hàng tháng	5.94	6.02	6.22	6.13	6.33

5. Biểu lãi suất Tiết kiệm thông thường *(áp dụng từ ngày 28/04/2022)*

Kỳ hạn	3T	6T	9T	12T	13T	18T	24T	36T
Lãi suất	3.40	4.50	4.70	5.40	5.40	5.40	5.50	5.50

6. Biểu lãi suất Chứng chỉ tiền gửi Phát Lộc đợt 1 - năm 2021 *(áp dụng từ ngày 28/04/2022)*

Kỳ hạn	6 năm	8 năm
Lãi suất	7.20	7.40

7. Biểu lãi suất Tình yêu cho con *(áp dụng từ ngày 01/10/2020)*

Kỳ hạn	6 tháng	1 năm	Từ 2 năm đến 20 năm
Lãi suất	4.00	4.00	4.00

8. Biểu lãi suất Tiết kiệm gửi góp *(áp dụng từ ngày 28/04/2022)*

Kỳ hạn (thời gian duy trì khoản tiền gửi)		< 1 tuần	01 tuần	02 tuần	03 tuần	1T	2T	3T	4T	5T	6T	7T	8T	9T	10T	11T	12T	>=13 T đến <18T	>=18 T đến <24T	>=24 T đến <36T	>=36 T đến 60T	> 60T
Số ngày		<7 ngày	từ 7 đến 13 ngày	từ 14 đến 20 ngày	từ 21 đến 29 ngày	từ 30 đến 59 ngày	từ 60 đến 89 ngày	từ 90 đến 119 ngày	từ 120 đến 149 ngày	từ 150 đến 179 ngày	từ 180 đến 209 ngày	từ 210 đến 239 ngày	từ 240 đến 269 ngày	từ 270 đến 299 ngày	từ 300 đến 329 ngày	từ 330 đến 364 ngày	từ 365 đến 394 ngày	từ 395 đến 544 ngày	từ 545 đến 729 ngày	từ 730 đến 1094 ngày	từ 1095 đến 1826 ngày	> 1827 ngày
Lãi suất	VND	0.20	0.20	0.20	0.20	3.60	3.80	3.80	3.90	3.90	5.40	5.40	5.40	5.60	5.50	5.50	6.10	6.20	6.30	6.30	6.50	6.50
	USD	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00

9. Biểu lãi suất Tiết kiệm điều chỉnh – lãi suất cao nhất *(áp dụng từ ngày 15/04/2021)*

Kỳ hạn	13 tháng	18 tháng	24 tháng	36 tháng
Lãi suất	6.00	6.20	6.30	6.40

10. Tài khoản thanh toán:

Số tiền	< 2 triệu	> = 2 triệu
Lãi suất	0.00	0.20